

Số: /TTr-UBND

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

TỜ TRÌNH

Đề nghị ban hành Nghị quyết Quy định một số chính sách hỗ trợ bảo tồn, phát triển làng nghề và ngành nghề nông thôn trên địa bàn thành phố Hà Nội

Kính gửi: Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội.

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Ủy ban nhân dân Thành phố kính trình Hội đồng nhân dân Thành phố ban hành Nghị quyết Quy định một số chính sách hỗ trợ bảo tồn, phát triển làng nghề và ngành nghề nông thôn trên địa bàn thành phố Hà Nội, cụ thể như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT

1. Căn cứ pháp lý

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Luật Thủ đô ngày 28/6/2024;

Căn cứ Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 12/4/2018 của Chính phủ về phát triển ngành nghề nông thôn;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ về việc quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 79/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Quyết định số 801/QĐ-TTg ngày 07/7/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình bảo tồn và phát triển làng nghề Việt Nam giai đoạn 2021 - 2030.

Căn cứ Chương trình số 01/CTr-UBND ngày 08/01/2025 của UBND thành

phố Hà Nội về Chương trình công tác của UBND Thành phố năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 282/QĐ-UBND ngày 15/01/2025 của UBND thành phố Hà Nội về việc phê duyệt Đề án tổng thể phát triển làng nghề trên địa bàn thành phố Hà Nội giai đoạn 2025 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

2. Cơ sở thực tiễn

Ngành nghề nông thôn, làng nghề truyền thống có lịch sử hình thành lâu đời, giữ vai trò quan trọng, đóng góp vào phát triển kinh tế - xã hội và bảo tồn giá trị văn hóa khu vực nông thôn nước ta. Hà Nội được mệnh danh là “*đất trăm nghề*” có bề dày lịch sử và số lượng nghề và làng nghề lớn nhất cả nước, với 1.350 làng nghề, làng có nghề, hội tụ 6/7 nhóm ngành nghề của cả nước. Đến nay, UBND Thành phố đã công nhận 337 làng nghề, nghề truyền thống và làng nghề truyền thống, gồm: 269 làng nghề, 61 làng nghề truyền thống, 07 nghề truyền thống; 100 làng nghề, làng có nghề có sản phẩm được chứng nhận OCOP. Thành phố có làng nghề gốm sứ Bát Tràng và làng nghề dệt lụa Vạn Phúc là 02 làng đầu tiên của Việt Nam được Hội đồng Thủ công Thế giới công nhận trở thành thành viên của mạng lưới các Thành phố thủ công sáng tạo trên toàn Thế giới.

Đến hết năm 2024, Thành phố có 351 Nghề nhân, trong đó có: 16 Nghề nhân Nhân dân; 51 Nghề nhân Ưu tú; 284 Nghề nhân Hà Nội. Toàn Thành phố có 47 hội làng nghề, 03 hiệp hội và 07 câu lạc bộ làng nghề; Sản phẩm của các làng nghề đa dạng, nhiều chủng loại, mẫu mã đẹp, chất lượng tốt, một số có thể mạnh cạnh tranh trên thị trường trong nước và quốc tế. Các làng nghề đã và đang góp phần tích cực vào chuyển dịch cơ cấu, phát triển kinh tế nông thôn, tạo tiền đề thực hiện thành công Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) và Chương trình xây dựng nông thôn mới trên địa bàn. Mỗi làng nghề đều mang bản sắc riêng, tạo ra những sản phẩm độc đáo, tinh xảo, mang đậm bản sắc văn hóa dân tộc, mang lại hiệu quả kinh tế ngày càng cao cho lao động nông thôn.

Sản phẩm thủ công mỹ nghệ làng nghề Hà Nội hiện đã được xuất khẩu sang 89 nước và vùng lãnh thổ, như: Hoa Kỳ, EU, Nhật Bản, Hàn Quốc, Trung Quốc... Doanh thu của các làng nghề hàng năm đạt trên 24.000 tỷ đồng. Các làng nghề trên địa bàn Thành phố đã tạo việc làm cho khoảng 800 nghìn lao động. Thu nhập của lao động phổ thông đang làm việc tại các làng nghề đạt từ 5 đến 8 triệu đồng/lao động/tháng (tương đương với thu nhập/lao động/tháng của lao động thủ công của cả nước).

Có được những thành tựu trên một phần quan trọng là nhờ các chủ trương đúng đắn của Đảng, các chính sách định hướng và hỗ trợ của Trung ương và thành phố Hà Nội. Ở cấp Trung ương, chủ trương và chính sách về bảo tồn và phát triển làng nghề được thể hiện qua các văn bản như:

(1) Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 16/06/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XIII về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

(2) Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 12/4/2018 của Chính phủ về phát triển ngành nghề nông thôn;

(3) Quyết định số 1058/QĐ-TTg ngày 14/09/2023 của Thủ tướng Chính phủ về Chiến lược phát triển ngành nghề nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Chiến lược xác định tập trung bảo tồn, khôi phục các làng nghề truyền thống có nguy cơ mai một, thất truyền gắn với du lịch; xây dựng các kênh phân phối, giới thiệu sản phẩm làng nghề; phong tặng, tôn vinh, phát triển đội ngũ nghệ nhân, thợ giỏi, người lao động trong làng nghề truyền thống;

(4) Quyết định số 801/QĐ-TTg ngày 07/07/2022 của Thủ tướng Chính phủ về Chương trình bảo tồn và phát triển làng nghề Việt Nam giai đoạn 2021-2030, trong đó nêu rõ: *“Bảo tồn và phát triển làng nghề có vai trò quan trọng trong thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế, lao động nông thôn, tạo việc làm và nâng cao đời sống của người dân; bảo vệ giữ gìn cảnh quan nông thôn của làng nghề, đóng góp vào xây dựng nông thôn mới; phát triển làng nghề gắn với thị trường hội nhập kinh tế quốc tế, đẩy mạnh xuất khẩu, gắn với tăng trưởng xanh, phát triển mô hình sản xuất tuần hoàn khép kín, tiết kiệm nguyên liệu, bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu”*.

Thành phố Hà Nội những năm gần đây đã ban hành một số cơ chế chính sách nhằm thúc đẩy bảo tồn và phát triển làng nghề như: Nghị quyết số 11/2019/NQ-HĐND ngày 04/12/2019 của HĐND Thành phố về một số chính sách phát triển ngành nghề nông thôn và làng nghề Hà Nội; Quyết định số 02/2020/QĐ-UBND ngày 02/3/2020 của UBND Thành phố về ban hành định mức hỗ trợ kinh phí khi công nhận danh hiệu: “Làng nghề, Nghề truyền thống và Làng nghề truyền thống” Hà Nội; Quyết định số 282/QĐ-UBND của UBND Thành phố phê duyệt Đề án tổng thể phát triển làng nghề trên địa bàn thành phố Hà Nội giai đoạn 2025 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Các chính sách về bảo tồn và phát triển làng nghề của Trung ương và Thành phố đã phát huy hiệu quả, góp phần tích cực vào sự phát triển của làng nghề, ngành nghề nông thôn. Tuy nhiên, qua thời gian triển khai một số chính sách đã bộc lộ bất cập, không còn phù hợp với những tình hình mới. Những bất cập của các chính sách có liên quan về bảo tồn và phát triển làng nghề của Thành phố thể hiện cụ thể là:

(1) Nghị quyết số 11/2019/NQ-HĐND ngày 04/12/2019 của HĐND Thành phố về một số chính sách phát triển ngành nghề nông thôn và làng nghề Hà Nội có

2 điều tập trung vào hỗ trợ đánh giá tác động môi trường làng nghề, xây dựng thương hiệu và đăng ký nhãn hiệu. Sau hơn 5 năm thực hiện cho thấy nội dung hỗ trợ đánh giá tác động môi trường làng nghề chưa được triển khai triệt để, hơn nữa chưa giải quyết được vấn nạn ô nhiễm môi trường làng nghề;

(2) Quyết định số 2456/QĐ-UBND ngày 28/4/2023 của UBND Thành phố và Quyết định số 310/QĐ-UBND ngày 16/01/2024 của UBND Thành phố ban hành danh mục, lộ trình và kế hoạch xử lý ô nhiễm môi trường đối với các làng nghề trên địa bàn Thành phố; nhưng hiện nay Thành phố chưa có mức hỗ trợ các cơ sở sản xuất đang sản xuất kinh doanh những sản phẩm không khuyến khích trong làng nghề di dời ra khỏi làng nghề, nên chưa thực hiện được.

(3) Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND ngày 04/7/2023 của HĐND Thành phố có quy định nội dung và mức hỗ trợ về tập huấn nghiệp vụ quản lý, năng lực quản lý hợp đồng, quản lý chuỗi và phát triển thị trường nhưng chỉ với đối tượng sản xuất dịch vụ nông nghiệp, mà chưa có quy định đối với các đối tượng thuộc làng nghề và ngành nghề nông thôn.

(4) Nghị định số 43/2024/NĐ-CP ngày 19/12/2024 của Chính phủ mới quy định Quy định chi tiết về xét tặng danh hiệu “Nghệ nhân nhân dân, Nghệ nhân Ưu tú” trong lĩnh vực thủ công mỹ nghệ nhưng chưa quy định chế độ đãi ngộ. Trong khi đó, Nghị quyết số 23/2022/NQ-HĐND ngày 08/12/2022 của HĐND Thành phố đã ban hành chế độ đãi ngộ đối với nghệ nhân lĩnh vực văn hóa phi vật thể;

(5) Nguyên liệu phục vụ sản xuất kinh doanh của các làng nghề trên địa bàn Thành phố chủ yếu phải mua từ các địa phương khác, thậm chí phải nhập khẩu. Tuy nhiên, Thành phố chưa có chính sách quy định về hỗ trợ kết nối vùng nguyên liệu cho các cơ sở sản xuất trong làng nghề.

Những hạn chế nêu trên cũng là nguyên nhân khiến cho công tác bảo tồn và phát triển làng nghề trên địa bàn Thành phố còn gặp khó khăn, một số nội dung trong Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 12/4/2018 của Chính phủ về phát triển ngành nghề nông thôn được thực hiện chưa hiệu quả, như: Tình trạng phát triển không theo quy hoạch; Ô nhiễm môi trường tại một số làng nghề có xu hướng ngày càng nghiêm trọng; Thiếu nguồn nguyên liệu để sản xuất; Nhiều làng nghề truyền thống có nguy cơ mai một; Công nghệ sản xuất tại các làng nghề lạc hậu, thủ công; Việc ứng dụng KHCN và chuyển đổi số còn hạn chế; Chế độ đãi ngộ đối với nghệ nhân chưa được quan tâm đúng mức, hiện tượng già hóa dân số và chất lượng nhân lực chưa bảo đảm,... Sản phẩm của làng nghề, làng nghề truyền thống của Thành phố chưa khai thác hết tiềm năng và thế mạnh vốn có của làng nghề.

Luật Thủ đô số 39/2024/QH15 được Quốc hội khóa XV thông qua tại kỳ họp thứ 7 ngày 28/6/2024 có 2 nội dung liên quan đến lĩnh vực làng nghề, ngành nghề

nông thôn, gồm: điểm c, khoản 2 Điều 28 giao HĐND Thành phố quy định các biện pháp hỗ trợ việc di dời các cơ sở sản xuất trong khu dân cư, cơ sở sản xuất thuộc ngành, nghề không khuyến khích phát triển tại làng nghề ở nông thôn; điểm g, khoản 2 Điều 32 giao HĐND Thành phố quy định phạm vi, đối tượng, nội dung, mức hỗ trợ cao hơn mức quy định hoặc chưa được quy định trong văn bản của cơ quan nhà nước cấp trên trong các lĩnh vực Phát triển kinh tế tập thể, làng nghề, làng có nghề.

Quyết định số 282/QĐ-UBND của UBND Thành phố ngày 15/01/2025 phê duyệt Đề án tổng thể phát triển làng nghề trên địa bàn thành phố Hà Nội giai đoạn 2025 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã chỉ rõ 6 nhiệm vụ trọng tâm và 11 giải pháp, cần có chính sách cụ thể để triển khai thực hiện.

Thi hành Luật Thủ đô, UBND Thành phố ban hành Kế hoạch số 225/KH-UBND ngày 22/7/2024 triển khai thực hiện; Kế hoạch số 264/KH-UBND ngày 04/9/2024 về việc soạn thảo, ban hành văn bản triển khai thi hành Luật Thủ đô; Chương trình số 01/CTr-UBND ngày 08/01/2025 của UBND Thành phố về Chương trình công tác của UBND Thành phố năm 2025. Thường trực HĐND Thành phố đã ban hành Kế hoạch số 08/KH-HĐND ngày 19/5/2025 về xây dựng nghị quyết của HĐND thành phố Hà Nội năm 2025, trong đó giao Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, tham mưu UBND Thành phố trình HĐND Thành phố ban hành Nghị quyết quy định một số chính sách hỗ trợ, bảo tồn, phát triển làng nghề và ngành nghề nông thôn trên địa bàn thành phố Hà Nội.

Vì vậy, việc đề nghị ban hành Nghị quyết của HĐND Thành phố nhằm quy định một số chính sách hỗ trợ, bảo tồn, phát triển làng nghề và ngành nghề nông thôn trên địa bàn Thành phố để triển khai Luật Thủ đô, triển khai Đề án tổng thể phát triển làng nghề trên địa bàn thành phố Hà Nội giai đoạn 2025 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (Quyết định số 282/2025/QĐ-UBND của UBND Thành phố) và tiếp tục triển khai có hiệu quả Nghị định số 52/2018/NĐ-CP của Chính phủ về phát triển ngành nghề nông thôn, Quyết định số 801/QĐ-TTg ngày 07/07/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình bảo tồn và phát triển làng nghề Việt Nam giai đoạn 2021 - 2030 là rất cần thiết.

II. MỤC ĐÍCH BAN HÀNH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT

1. Mục đích ban hành

- Quy định cụ thể một số nội dung và mức hỗ trợ, khắc phục được các bất cập, tồn tại nhằm phát huy hiệu quả của chính sách hỗ trợ bảo tồn, phát triển làng nghề và ngành nghề nông thôn trên địa bàn thành phố Hà Nội, góp phần thực hiện Luật Thủ đô và Quyết định số 282/2025/QĐ-UBND phê duyệt Đề án tổng thể

phát triển làng nghề trên địa bàn thành phố Hà Nội giai đoạn 2025 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Góp phần bảo tồn, phát triển làng nghề và ngành nghề nông thôn trên địa bàn Thành phố, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của Thành phố, chuyển dịch cơ cấu kinh tế khu vực nông thôn, tạo việc làm, tăng thu nhập cho người dân, gìn giữ các giá trị văn hóa truyền thống, kết nối thúc đẩy phát triển du lịch của Thủ đô.

- Khai thác tối đa tiềm năng, lợi thế và tạo điều kiện để bảo tồn, phát triển các làng nghề, ngành nghề nông thôn của Thành phố một cách hiệu quả, bền vững.

2. Quan điểm, nguyên tắc xây dựng nghị quyết

- Phù hợp chủ trương, đường lối, chính sách đổi mới của Đảng, Nhà nước và Thành phố, đặc biệt là các quy định của Luật Thủ đô, bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất.

- Kế thừa những quy định phù hợp, các nội dung quy định phải đáp ứng được yêu cầu thực tiễn, khắc phục được những hạn chế, bất cập; sửa đổi những quy định không còn phù hợp với thực tế hiện nay, có sự tham gia ý kiến của các nhà khoa học, các chuyên gia, các Sở, ngành Thành phố; ý kiến của người dân trực tiếp tham gia sản xuất, kinh doanh tại các làng nghề, đặc biệt là ý kiến của UBND cấp xã.

- Các nội dung và mức hỗ trợ đảm bảo phù hợp với khả năng cân đối ngân sách, điều kiện kinh tế - xã hội và tình hình thực tế của Thành phố.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT

1. Quá trình lập đề nghị xây dựng nghị quyết

Thực hiện chỉ đạo của UBND Thành phố tại Chương trình công tác số 01/CTr-UBND ngày 08/01/2025, Sở Nông nghiệp và Môi trường đã xây dựng dự thảo Tờ trình của UBND Thành phố, dự thảo Nghị quyết của HĐND Thành phố quy định một số chính sách hỗ trợ bảo tồn, phát triển làng nghề và ngành nghề nông thôn trên địa bàn Thành phố và có Văn bản số 6381/SNNMT-PTNT ngày 04/9/2025 gửi Sở Tư pháp xin ý kiến đăng ký xây dựng Nghị quyết của HĐND Thành phố quy định một số nội dung hỗ trợ bảo tồn phát triển làng nghề và ngành nghề nông thôn trên địa bàn thành phố Hà Nội.

Ngày 10/9/2025, Sở Tư pháp có Văn bản số 3900/STP-VBPQ góp ý đăng ký xây dựng Nghị quyết của HĐND Thành phố quy định một số chính sách hỗ trợ bảo tồn, phát triển làng nghề và ngành nghề nông thôn trên địa bàn thành phố Hà Nội.

Ngày 22/9/2025, Sở Nông nghiệp và Môi trường có văn bản số

7059/SNNMT-PTNT về việc phúc đáp, giải trình văn bản số 3900/STP-VBQP ngày 10/9/2025 của Sở Tư pháp.

Sở Nông nghiệp và Môi trường đã xây dựng dự thảo Nghị quyết của HĐND Thành phố, dự thảo Tờ trình của UBND Thành phố về việc đề nghị ban hành Nghị quyết quy định một số chính sách hỗ trợ bảo tồn, phát triển làng nghề và ngành nghề nông thôn trên địa bàn thành phố Hà Nội.

2. Quá trình xây dựng dự thảo Nghị quyết

- Ngày 23/9/2025, Sở Nông nghiệp và Môi trường đã có Văn bản số 7114/SNNMT về việc đăng tải thông tin lấy ý kiến Dự thảo văn bản quy phạm pháp luật;

- Ngày 24/9/2025, Sở Nông nghiệp và Môi trường đã có Văn bản số 7117/SNNMT-PTNT gửi các sở, ngành Thành phố và Ủy ban nhân dân các xã, phường, cục Kinh tế hợp tác và PTNT về việc xin ý kiến góp ý dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân Thành phố.

- Ngày 03/10/2025 Sở Nông nghiệp và Môi trường có văn bản số 7636/SNNMT - PTNT về việc xin ý kiến UBMT Tổ quốc Việt Nam thành phố Hà Nội;

- Ngày 21/10/2025, Sở Nông nghiệp và Môi trường đã tổ chức Hội thảo lấy ý kiến của các Sở ngành, chuyên gia, nhà khoa học góp dự thảo hồ sơ Nghị quyết.

- Trên cơ sở các ý kiến góp ý của các Sở ngành, UBND các xã phường và các chuyên gia nhà khoa học, Sở Nông nghiệp và Môi trường đã tổng hợp tiếp thu giải trình, chỉnh sửa, hoàn thiện dự thảo và có Văn bản số 9072/SNNMT-PTNT ngày 06/11/2025 gửi Sở Tư pháp thẩm.

- Ngày 14/11/2025, Sở Tư pháp đã có Báo cáo số 332/BC-STP thẩm định dự thảo Nghị quyết.

- Ngày 15/11/2025, Sở Nông nghiệp và Môi trường đã có Báo cáo số 408 /BC-SNNMT tiếp thu giải trình nội dung thẩm định của Sở Tư pháp.

- Ngày 15/11/2025 Sở Nông nghiệp và Môi trường đã hoàn thiện Hồ sơ Nghị quyết và có Tờ trình số 981/TTr-SNNMT trình UBND Thành phố.

- Ngày 18/11/2025, Văn phòng UBND Thành phố có Văn bản số 18931/VP-NNMT xin ý kiến Thành viên UBND Thành phố về việc ban hành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân Thành phố quy định về chính sách hỗ trợ bảo tồn, phát triển làng nghề và ngành nghề nông thôn trên địa bàn thành phố Hà Nội.

- Ngày 20/11/2025, UBND Thành phố có Thông báo kết luận số 1372/TB-UBND thống nhất về nội dung một số chính sách hỗ trợ bảo tồn, phát triển làng nghề và ngành nghề nông thôn trên địa bàn thành phố Hà Nội theo đề nghị của Sở Nông

nghiệp và Môi trường.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1.1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định một số chính sách hỗ trợ bảo tồn, phát triển làng nghề và ngành nghề nông thôn trên địa bàn thành phố Hà Nội.

1.2. Đối tượng áp dụng

- Các doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ gia đình đang hoạt động, sản xuất, kinh doanh, dịch vụ ngành nghề nông thôn theo quy định của pháp luật trên địa bàn thành phố Hà Nội (sau đây gọi chung là cơ sở ngành nghề nông thôn).

- Tổ chức, cá nhân liên quan đến công tác quản lý ngành nghề nông thôn trên địa bàn thành phố.

2. Bố cục của dự thảo Nghị quyết

Bố cục Nghị quyết gồm Nghị quyết và Quy định kèm theo Nghị quyết.

- Nghị quyết gồm 03 Điều.

- Quy định kèm theo Nghị quyết gồm 8 Điều.

3. Nội dung cơ bản của Quy định kèm theo Nghị quyết

Có 05 chính sách được quy định từ Điều 3 đến Điều 8, cụ thể như sau:

Điều 3. Chính sách hỗ trợ tập huấn nghiệp vụ quản lý, năng lực quản lý hợp đồng, quản lý chuỗi và phát triển thị trường

1. Đối tượng, điều kiện

a) Đơn vị, tổ chức được cấp có thẩm quyền giao tập huấn theo kế hoạch, dự toán hàng năm.

b) Giảng viên, hướng dẫn viên thực hành thao tác kỹ thuật tham gia giảng dạy; cán bộ quản lý lớp tập huấn.

c) Doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ gia đình sản xuất, kinh doanh tại các làng nghề (gọi chung là cơ sở ngành nghề nông thôn).

2. Nội dung, mức hỗ trợ

a) Chi in ấn tài liệu, giáo trình trực tiếp phục vụ lớp tập huấn; văn phòng phẩm; nước uống; thuê phương tiện đi thực tế, hội trường, trang thiết bị phục vụ lớp tập huấn; vật tư thực hành (nếu có): Mức chi theo đơn giá, định mức chi tiêu tài chính hiện hành do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành hoặc theo hợp đồng thực tế.

b) Chi thù lao giảng viên, hướng dẫn viên thực hành thao tác kỹ thuật (một buổi giảng được tính bằng 4 tiết học):

Giảng viên là tiến sĩ khoa học, tiến sĩ, nghệ nhân cấp tỉnh, Thành phố trả tiền công giảng dạy mức 1.200.000 đồng/buổi.

Giảng viên có trình độ thạc sĩ hoặc tương đương trả tiền công giảng dạy mức 1.000.000 đồng/buổi.

Giảng viên, hướng dẫn viên thực hành, thực tế có trình độ kỹ sư và tương đương trả tiền công, mức 600.000 đồng/buổi.

c) Chi phí thanh toán tiền phương tiện đi lại cho giảng viên, hướng dẫn viên: Theo hóa đơn thực tế hoặc được thanh toán khoán tự túc phương tiện đối với giảng viên, hướng dẫn viên giảng dạy xa nơi cư trú từ 15 km trở lên tối thiểu là 150.000 đồng/người/ngày, tối đa không quá 500.000 đồng/ngày..

d) Phụ cấp tiền ăn cho giảng viên, hướng dẫn viên: Tối đa không quá 300.000 đồng/ngày.

đ) Chi hỗ trợ cho học viên:

Hỗ trợ tiền ăn 100.000 đồng/ngày/học viên.

Hỗ trợ tiền đi lại đối với học viên học xa nơi cư trú từ 15 km trở lên theo mức 150.000 đồng/học viên/lớp tập huấn.

e) Thời gian tập huấn: Thời gian tập huấn: 03 ngày/lớp, trong đó 02 ngày lý thuyết và 01 ngày thực tế.

3. Nguồn kinh phí hỗ trợ: Ngân sách cấp xã, ngân sách cấp Thành phố.

4. Phương thức thực hiện: Thực hiện theo chương trình, phương án, kế hoạch của cơ quan được giao nhiệm vụ.

Điều 4. Chính sách đãi ngộ đối với nghệ nhân

1. Đối tượng, điều kiện áp dụng

Nghệ nhân trong lĩnh vực thủ công mỹ nghệ được Chủ tịch nước phong tặng danh hiệu Nghệ nhân Nhân dân, Nghệ nhân Ưu tú và nghệ nhân được UBND thành phố Hà Nội phong tặng danh hiệu Nghệ nhân Hà Nội.

2. Nội dung, mức hỗ trợ:

2.1. Hỗ trợ một lần đối với Nghệ nhân khi được cấp thẩm quyền phong tặng danh hiệu “Nghệ nhân nhân dân”, “Nghệ nhân Ưu tú”, “Nghệ nhân Hà Nội”.

a) Nghệ nhân Nhân dân: 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng)/người.

b) Nghệ nhân ưu tú: 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng)/người.

c) Nghệ nhân Hà Nội: 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng)/người.

2.2. Hỗ trợ Nghệ nhân truyền dạy nghệ và người tham gia thực hành, học nghề theo chương trình, kế hoạch của cấp thẩm quyền tổ chức.

- Bồi dưỡng Nghệ Nhân nhân dân truyền dạy: 500.000 đồng (năm trăm nghìn đồng)/người/buổi.

- Bồi dưỡng Nghệ nhân Ưu tú, Nghệ nhân Hà Nội truyền dạy: 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng)/người/buổi.

Nước uống cho Nghệ nhân truyền dạy và người tham gia thực hành, học nghề 50.000 đồng (năm mươi nghìn đồng)/người/buổi.

3. Nguồn kinh phí: Ngân sách cấp Thành phố.

4. Phương thức thực hiện:

a) Căn cứ danh sách và Quyết định phong tặng danh hiệu nghệ nhân của cơ quan có thẩm quyền, đơn vị được giao thực hiện chính sách đãi ngộ đối với nghệ nhân, thực hiện chi trả trực tiếp cho nghệ nhân được phong tặng theo quy định.

b) Cơ quan được giao thực hiện chương trình, kế hoạch truyền dạy nghề thực hiện chi trả trực tiếp cho Nghệ nhân, người tham gia thực hành, học nghề.

Điều 5. Chính sách hỗ trợ kết nối vùng nguyên liệu

1. Đối tượng, điều kiện

Tổ chức, cá nhân tham gia đoàn công tác đi kết nối vùng nguyên liệu cho làng nghề theo chương trình, kế hoạch của cơ quan được giao nhiệm vụ và cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Nội dung, mức hỗ trợ

Hỗ trợ 50% chi phí đi lại, phụ cấp lưu trú, tiền ăn, nghỉ tại nơi đến công tác cho các tổ chức, cá nhân tham gia đoàn công tác; mức chi thực hiện theo quy định tại Phụ lục 03 Nghị quyết số 09/2017/NQ-HĐND ngày 05/12/2017; Điều 1 Nghị quyết số 05/2025/NQ-HĐND ngày 29/4/2025 của Hội đồng nhân dân Thành phố.

3. Nguồn kinh phí: Ngân sách cấp Thành phố.

4. Phương thức thực hiện: Thực hiện theo chương trình, kế hoạch của cơ quan được giao nhiệm vụ, được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 6. Chính sách hỗ trợ phát triển ngành nghề nông thôn

1. Đối tượng, điều kiện

a) Doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ gia đình (sau đây gọi chung là cơ sở ngành nghề nông thôn) hoạt động theo quy định của pháp luật trên địa bàn Thành phố, có dự án sản xuất ngành nghề nông thôn hiệu quả, được UBND cấp xã đề xuất theo tiêu chí do UBND Thành phố ban hành.

b) Đối với máy móc, thiết bị, dây chuyền sản xuất được hỗ trợ phải là máy móc, thiết bị, dây chuyền mới, có nguồn gốc, xuất xứ rõ ràng, đáp ứng được tiêu chuẩn cơ sở đã công bố hoặc tiêu chuẩn Việt Nam (nếu có).

c) Nguyên tắc ưu tiên: Dự án chế biến nông, lâm, thủy sản gắn với công nghệ tiên tiến và thiết bị đồng bộ trong thu hoạch, bảo quản, chế biến và tiêu thụ nhằm nâng cao giá trị sản phẩm, đáp ứng nhu cầu thị trường; dự án thuộc chương trình bảo tồn và phát triển làng nghề; dự án phát triển hàng thủ công mỹ nghệ đáp ứng nhu cầu trong nước hoặc xuất khẩu; dự án sản xuất, cung cấp nguyên vật liệu phục vụ phát triển ngành nghề nông thôn; dự án sản xuất, chế tạo thiết bị, máy móc phục vụ sản xuất nông nghiệp, nông thôn; dự án phát triển sinh vật cảnh; Dự án làng nghề gắn với phát triển du lịch sinh thái; dự án sản xuất các sản phẩm từ phế, phụ phẩm nông nghiệp.

d) Mỗi cơ sở ngành nghề nông thôn thuộc đối tượng điều chỉnh của Nghị quyết này được ngân sách Thành phố hỗ trợ một lần.

2. Nội dung, mức hỗ trợ:

- Nội dung hỗ trợ: Mua máy móc, thiết bị, dây chuyền sản xuất mới.
- Mức hỗ trợ 50% kinh phí nhưng không quá 500 triệu đồng/dự án.

3. Nguồn kinh phí: Ngân sách cấp Thành phố.

4. Phương thức hỗ trợ: Hỗ trợ trực tiếp cho cơ sở ngành nghề nông thôn sau khi dự án đã hoàn thành, bàn giao và đưa vào sử dụng, theo chương trình, kế hoạch của cơ quan được giao nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 7. Chính sách hỗ trợ di dời các cơ sở sản xuất trong khu dân cư, cơ sở sản xuất thuộc ngành nghề không khuyến khích phát triển tại làng nghề ở nông thôn

1. Đối tượng, điều kiện áp dụng

Cơ sở ngành nghề nông thôn thuộc danh mục, kế hoạch di dời đã được phê duyệt; có quyết định di dời của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

Địa điểm di dời đến là khu công nghiệp, cụm công nghiệp, cụm công nghiệp làng nghề.

Mỗi cơ sở được hỗ trợ một lần/nội dung hỗ trợ.

2. Nội dung, mức hỗ trợ

a) Hỗ trợ chi phí tháo dỡ, vận chuyển máy móc, thiết bị, nhà xưởng nơi di dời đi: 50.000 đồng/m² nhà xưởng, tối đa 500 triệu đồng/cơ sở.

b) Hỗ trợ theo quy định tại khoản 2 Điều 43 Luật Thủ đô: Các dự án đầu tư đáp ứng quy định tại khoản 1 Điều 43 Luật Thủ đô thì được hưởng các ưu đãi quy định tại khoản 2 Điều 43 Luật Thủ đô:

Được miễn tiền thuê đất, thuê mặt nước 10 năm và giảm 50% tiền thuê đất, thuê mặt nước cho thời gian còn lại.

Được áp dụng mức thuế suất 5% thuế thu nhập doanh nghiệp, trong đó, được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong thời gian 04 năm và giảm 50% số thuế thu nhập phải nộp trong 09 năm tiếp theo.

Thời gian miễn thuế, giảm thuế đối với thu nhập của doanh nghiệp thực hiện dự án đầu tư mới quy định tại khoản này được tính từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế từ dự án đầu tư.

c) Các cơ sở không đáp ứng quy định tại khoản 1 Điều 43 Luật Thủ đô thì được hỗ trợ 50% tiền thuê đất tại nơi di dời đến trong thời gian 5 năm và 25% cho thời gian còn lại.

d) Ngân sách Thành phố hỗ trợ 70% tiền lãi vay ngân hàng hoặc lãi vay từ Quỹ đầu tư phát triển Thành phố đối với toàn bộ giá trị hợp đồng vay được thực hiện trong thời gian vay vốn (tối đa không quá 10 năm) theo dự án đối với các cơ sở ngành nghề nông thôn phải di dời để xây dựng, lắp đặt nhà xưởng, máy móc tại nơi di dời đến, theo từng dự án của cơ sở ngành nghề nông thôn nằm trong danh sách hỗ trợ lãi suất đã được UBND Thành phố phê duyệt.

3. Nguồn kinh phí: Ngân sách cấp xã, ngân sách Thành phố cấp bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp xã.

4. Phương thức thực hiện: Theo danh mục, kế hoạch, chương trình của Thành phố và chương trình, kế hoạch của cơ quan được cấp thẩm quyền phê duyệt và giao thực hiện.

Điều 8. Quy định về việc dừng hỗ trợ, thu hồi kinh phí hỗ trợ của tổ chức, cá nhân

V. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC THI HÀNH NGHỊ QUYẾT VÀ THỜI GIAN TRÌNH BAN HÀNH

1. Dự kiến nguồn lực, điều kiện bảo đảm cho việc thi hành Nghị quyết

Trên cơ sở tính toán kinh phí hỗ trợ theo mức hỗ trợ đề xuất tại dự thảo Nghị quyết, dự kiến kinh phí một lần thực hiện hỗ trợ bảo tồn, phát triển làng nghề và ngành nghề nông thôn trên địa bàn thành phố Hà Nội, 05 năm **78,95 tỷ đồng**;

Mỗi năm là 15,77 tỷ đồng, trong đó ngân sách cấp Thành phố là 9,67 tỷ đồng; ngân sách cấp xã là 6,1 tỷ đồng (*chi tiết tại Phụ lục đính kèm*).

2. Thời gian trình ban hành

Kỳ họp Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội tháng 12 năm 2025.

Trên đây là nội dung Tờ trình đề nghị ban hành Nghị quyết quy định về một số chính sách chính sách hỗ trợ bảo tồn, phát triển làng nghề và ngành nghề nông thôn trên địa bàn thành phố Hà Nội, Ủy ban nhân dân Thành phố kính trình Hội đồng nhân dân Thành phố xem xét, quyết định.

Xin gửi kèm theo:

- Dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân Thành phố;
- Bản tổng hợp ý kiến, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý đối với dự thảo nghị quyết của Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- Báo cáo thẩm định dự thảo Nghị quyết của Sở Tư pháp;
- Báo cáo của Sở Nông nghiệp và Môi trường giải trình nội dung thẩm định dự thảo Nghị quyết của Sở Tư pháp;
- Các tài liệu, hồ sơ liên quan./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bí thư Thành ủy;
- Đ/c Chủ tịch UBND TP (để báo cáo);
- Các đ/c PCT UBND TP;
- Văn phòng Thành ủy;
- Ban: KT - NS, Pháp chế HĐND TP;
- Các Sở, ban, ngành Thành phố;
- VPUB: CVP, PCVP: B.V.Thắng, NNMT, TH;
- Lưu: VT, NNMT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Vũ Thu Hà

PHỤ LỤC 01: BẢNG THUYẾT MINH CƠ SỞ ĐỀ XUẤT

(Kèm theo Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng 11 năm 2025 của UBND thành phố Hà Nội)

Stt	Tên chính sách	Nội dung, mức hỗ trợ	Căn cứ pháp lý đề xuất
Điều 3	Chính sách tập huấn nghiệp vụ quản lý, năng lực quản lý hợp đồng, quản lý chuỗi và phát triển thị trường	a) Chi in ấn tài liệu, giáo trình trực tiếp phục vụ lớp tập huấn; văn phòng phẩm; nước uống; thuê phương tiện đi thực tế, hội trường, trang thiết bị phục vụ lớp tập huấn; vật tư thực hành (nếu có): Mức chi theo đơn giá, định mức chi tiêu tài chính hiện hành do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành hoặc theo hợp đồng thực tế. b) Chi thù lao giảng viên, hướng dẫn viên thực hành thao tác kỹ thuật (một buổi giảng được tính bằng 4 tiết học): Giảng viên là tiến sĩ khoa học, tiến sĩ, nghệ nhân cấp tỉnh, Thành phố trả tiền công giảng dạy mức 1.200.000 đồng/buổi. Giảng viên có trình độ thạc sỹ hoặc tương đương trả tiền công giảng dạy mức 1.000.000 đồng/buổi. Giảng viên, hướng dẫn viên thực hành, thực tế có trình độ kỹ sư và tương đương trả tiền công, mức 600.000 đồng/buổi. c) Chi phí thanh toán tiền	1. Cơ sở đề xuất nội dung: a) <i>Cơ sở pháp lý:</i> điểm g, khoản 2, Điều 32, Luật Thủ đô số 39/2024/QH15; mục 7, phần IV, Điều 1, Quyết định số 801/QĐ-TTg ngày 07/7/2022 của Thủ tướng Chính phủ; điểm 6.1, khoản 6, mục IV, Đề án Tổng thể bảo tồn, Phát triển làng nghề trên địa bàn thành phố giai đoạn 2025-2030, tầm nhìn 2025, được ban hành theo QĐ số 282/QĐ-UBND ngày 15/01/2025 của UBND thành phố Hà Nội; b) <i>Cơ sở thực tiễn:</i> Thành phố Hà Nội với 1.350 làng nghề và làng có nghề, trong đó có 337 làng nghề, nghề truyền thống và làng nghề truyền thống đã được UBND Thành phố công nhận, trong đó, có 269 làng được công nhận danh hiệu Làng nghề, 61 làng được công nhận danh hiệu Làng nghề truyền thống, 07 nghề được công nhận Nghề Truyền thống, với 6/7 nhóm nghề, bao gồm: (1) Chế biến, bảo quản nông, lâm, thủy sản có 75 làng nghề, nghề; (2) sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ có 24 làng nghề, nghề; (3) sản xuất đồ gỗ, mây tre đan, gốm sứ, thủy tinh, dệt may, sợi, thêu ren, đan lát, cơ khí nhỏ 202 làng nghề; (4) sản xuất và kinh doanh sinh vật cảnh có 14 làng nghề; (5) xử lý chế biến, nguyên vật liệu phục vụ sản xuất ngành nghề nông thôn 16 làng nghề; (6) các dịch vụ phục vụ sản xuất, đời sống dân cư nông thôn 06 làng nghề, nghề. Doanh thu của 327 làng nghề đã được UBND Thành phố công nhận ước đạt trên 24.000 tỷ đồng. Sản phẩm của các làng nghề đa dạng về chủng loại, mẫu mã đẹp, chất lượng tốt, một số có thể mạnh cạnh tranh trên thị trường trong nước và quốc tế. Các làng nghề đã, đang góp phần tích cực vào chuyển dịch cơ cấu, phát triển kinh tế nông thôn, tạo tiền đề thực hiện thành công Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) và Chương trình xây dựng nông thôn mới trên địa bàn Thành phố. Bên cạnh nhiều thành tựu đạt được song công tác bảo tồn và phát triển làng nghề trên địa bàn Thành phố trong thời gian qua đã bộc lộ một số tồn tại, hạn chế, phát triển thiếu bền vững. Mẫu mã, bao bì, nhãn mác còn chưa đáp ứng thị hiếu người tiêu dùng, nhất là các sản phẩm

Stt	Tên chính sách	Nội dung, mức hỗ trợ	Căn cứ pháp lý đề xuất
		phương tiện đi lại cho giảng viên, hướng dẫn viên: Theo hóa đơn thực tế hoặc được thanh toán khoán tự túc phương tiện đối với giảng viên, hướng dẫn viên giảng dạy xa nơi cư trú từ 15 km trở lên tối thiểu là 150.000 đồng/người/ngày, tối đa không quá 500.000 đồng/ngày. d) Phụ cấp tiền ăn cho giảng viên, hướng dẫn viên: Tối đa không quá 300.000 đồng/ngày. đ) Chi hỗ trợ cho học viên: Hỗ trợ tiền ăn 100.000 đồng/ngày/học viên. Hỗ trợ tiền đi lại đối với học viên học xa nơi cư trú từ 15 km trở lên theo mức 150.000 đồng/học viên/lớp tập huấn.	thủ công mỹ nghệ. Việc quản lý chất lượng, truy xuất nguồn gốc sản phẩm chưa đáp ứng tình hình mới. Tình trạng ô nhiễm môi trường tại một số làng nghề có xu hướng ngày càng nghiêm trọng. Phát triển vùng, nguồn nguyên liệu thiếu bền vững; nhiều làng nghề truyền thống có nguy cơ mai một; công tác phát triển làng nghề chưa gắn với phát triển du lịch nông thôn; thu nhập của lao động còn bấp bênh; cơ sở hạ tầng, trang thiết bị công nghệ sản xuất lạc hậu, ứng dụng KHCN và chuyển đổi số còn hạn chế; phát triển theo chuỗi giá trị sản phẩm còn hạn chế cả về số lượng, chất lượng, thiếu tính bền vững. Thiếu ý tưởng thiết kế sáng tạo và phát triển sản phẩm mới, nhất là đối với khu vực sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ truyền thống; thiếu đội ngũ lao động có kỹ năng, tay nghề cao và am hiểu về thị trường. Danh tiếng, thương hiệu của sản phẩm trên thị trường còn hạn chế. Với cơ sở nêu trên việc hàng năm tập nghiệp vụ quản lý, năng lực quản lý hợp đồng, quản lý chuỗi và phát triển thị trường tại các làng nghề là cần thiết. 2. Cơ sở đề xuất nội dung, mức chi: Khoản 2 Điều 4 Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND ngày 04/7/2023 của Hội đồng Nhân dân thành phố Hà Nội 2.1. Bổ sung nội dung hỗ trợ: - Chi phí thanh toán tiền phương tiện đi lại cho giảng viên, hướng dẫn viên: Theo hóa đơn thực tế hoặc được thanh toán khoán tự túc phương tiện theo quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành, tối đa không quá 500.000 đồng/ngày - Phụ cấp tiền ăn cho giảng viên, hướng dẫn viên: Tùy theo địa điểm, thời gian tổ chức, tối đa không quá 300.000 đồng/ngày. * Lý do đề xuất: - Do địa điểm triển khai các tập huấn thường tại các xã/phường trên địa bàn Thành phố; việc đi lại đến địa điểm tổ chức lớp có những địa điểm rất xa khoảng 30-80 km/lượt nên chi phí đi lại của giảng viên gặp khó khăn khi đơn vị tổ chức không có phương tiện để đưa đón giảng viên. - Căn cứ Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐND ngày 07/7/2020 của HĐND Thành phố về việc quy định một số nội dung, mức chi thuộc thẩm quyền của HĐND Thành phố; trong đó tại Phụ lục 05 về quy định một số nội dung, mức chi đối với hoạt động khuyến nông địa bàn thành phố Hà Nội có nội dung về Bồi dưỡng, tập huấn và đào tạo tại điểm b mục 1.2 có quy định: “b) Chi thù lao giảng viên, trợ giảng; phụ cấp tiền ăn giảng viên, trợ giảng; chi phí

Stt	Tên chính sách	Nội dung, mức hỗ trợ	Căn cứ pháp lý đề xuất
			đưa, đón, bố trí nơi ở cho giảng viên, trợ giảng; chi thù lao hướng dẫn viên tham quan, thực hành thao tác kỹ thuật”. Vì vậy, đã bổ sung 02 nội dung trên vào dự thảo Nghị quyết. * Về mức chi đề xuất: - Chi phí thanh toán tiền phương tiện đi lại cho giảng viên, hướng dẫn viên: Tại Phụ lục 02 Nghị quyết số 11/2018/NQ-HĐND ngày 05/12/2018 có quy định “Chi phí thanh toán tiền phương tiện đi lại cho giảng viên, hướng dẫn viên: Thực hiện theo mức chi theo quy định hiện hành tại Nghị quyết số 09/2017/NQ-HĐND ngày 05/12/2017 của HĐND Thành phố Áp dụng trong trường hợp cơ quan đơn vị không có phương tiện, không có điều kiện bố trí chỗ nghỉ cho giảng viên mà phải đi thuê”. Hiện nay, Nghị quyết số 05/2025/NQ-HĐND ngày 29/4/2025 của HĐND Thành phố về sửa đổi, bổ sung một số nội dung, mức chi quy định tại phụ lục 03 ban hành kèm theo nghị quyết số 09/2017/NQ-HĐND ngày 05/12/2017 của HĐND Thành phố, tại khoản 3 điều 1 quy định: “b. Thanh toán khoán kinh phí sử dụng ô tô khi đi công tác, khoán tiền tự túc phương tiện đi công tác: b.1. Đối với các đối tượng được sử dụng xe ô tô để đi công tác: Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 72/2023/NĐ-CP ngày 26/9/2023 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô (thanh toán theo hóa đơn thực tế hoặc khoán tự túc). b.2. Đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động còn lại không có tiêu chuẩn được bố trí xe ô tô khi đi công tác mà tự túc bằng phương tiện cá nhân của mình thì được thanh toán tiền tự túc phương tiện bảo đảm không vượt chế độ đối với các đối tượng quy định tại tiết b.1 nêu trên và phải được quy định trong quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị”. Trên thực tế, địa điểm tổ chức tập huấn tạm tính tính khoảng cách từ Sở Nông nghiệp và Môi trường Hà Nội đến xã/phường trung bình là 40km/lượt và 02 lượt (đi-về) là 80 km mức giá khoán là 11.900 đồng/km (<i>báo giá của Taxi điện Xanh SM, loại xe Xanh SM Car từ km 26 là 11.900 đồng</i>) thì kinh phí 02 lượt là 952.000 đồng. Trên thực tế khi triển khai có các xã/phường có khoảng cách khác nhau và có những giảng viên có phương tiện đi lại nên đơn vị soạn thảo đề xuất thanh toán theo hóa đơn thực tế hoặc được thanh toán khoán tự túc phương tiện nhưng tối đa không quá 500.000 đồng/ngày. - Phụ cấp tiền ăn cho giảng viên: Tại Phụ lục 02 Nghị quyết số 11/2018/NQ-HĐND ngày 05/12/2018 có quy định “Phụ cấp tiền ăn cho giảng viên: Tùy theo địa điểm, thời gian tổ chức lớp học, các cơ quan, được giao chủ trì tổ chức các khóa để đào tạo, bồi dưỡng CBCCV quyết định chi phụ cấp tiền ăn cho giảng viên phù hợp với mức chi phụ cấp lưu trú được quy định tại Nghị quyết số 09/2017/NQ-HĐND ngày 05/12/2017 của HĐND Thành phố”. Hiện

Stt	Tên chính sách	Nội dung, mức hỗ trợ	Căn cứ pháp lý đề xuất
			nay, Nghị quyết số 05/2025/NQ-HĐND ngày 29/4/2025 của HĐND Thành phố về sửa đổi, bổ sung một số nội dung, mức chi quy định tại phụ lục 03 ban hành kèm theo nghị quyết số 09/2017/NQ-HĐND ngày 05/12/2017 của HĐND Thành phố, quy định: Mức phụ cấp lưu trú để trả cho người đi công tác: 300.000 đồng/người/ngày. Vì vậy, đề xuất mức hỗ trợ tối đa không quá 300.000 đồng/ngày. 2.2. Tăng mức hỗ trợ tiền ăn từ 50.000 đồng/ngày/ học viên lên 100.000 đồng/ngày/học viên. Lý do đề xuất: Theo quy định tại điểm d mục 1.2 Phụ lục 05 ban hành kèm theo Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐND ngày 07/7/2020 của HĐND Thành phố, quy định: Hỗ trợ 50% chi phí tiền ăn, chỗ ở (nếu phải thuê chỗ ở) theo mức chi về chế độ chi hội nghị quy định tại Phụ lục 03 Nghị quyết số 09/2017/NQ-HĐND ngày 05/12/2017 của HĐND Thành phố về việc quy định một số nội dung, mức chi thuộc thẩm quyền của HĐND Thành phố. Nếu đơn vị tổ chức đào tạo bố trí chỗ ở cho các học viên thì đơn vị được hỗ trợ chi phí dịch vụ: Chi phí điện, nước, chi phí khác (nếu có). Hiện nay, Nghị quyết số 05/2025/NQ-HĐND ngày 29/4/2025 của HĐND Thành phố về sửa đổi, bổ sung một số nội dung, mức chi quy định tại phụ lục 03 ban hành kèm theo nghị quyết số 09/2017/NQ-HĐND ngày 05/12/2017 có quy định “Cuộc họp tổ chức tại các địa bàn còn lại ngoài vùng I theo quy định tại Nghị định số 74/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ quy định mức lương tối thiểu đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động: 200.000 đồng/ngày/người”. Bên cạnh đó các xã/phường của Hà Nội thuộc vùng I và vùng II. Do vậy, nên đề xuất tăng mức hỗ trợ tiền ăn từ 50.000 đồng/ngày/học viên lên 100.000 đồng/ngày/học viên để phù hợp với văn bản sửa đổi.
Điều 4	Chính sách đãi ngộ đối với nghệ nhân	<i>2.1. Hỗ trợ một lần đối với Nghệ nhân khi được cấp thẩm quyền phong tặng danh hiệu “Nghệ nhân nhân dân”, “Nghệ nhân Ưu tú”, “Nghệ nhân Hà Nội”.</i> a) Nghệ nhân Nhân dân: 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng)/người.	1. Cơ sở đề xuất nội dung: a) <i>Cơ sở pháp lý:</i> điểm g, khoản 2, Điều 32, Luật Thủ đô số 39/2024/QH15; điểm c, mục 3, phần IV, Điều 1, Quyết định số 801/QĐ-TTg ngày 07/7/2022 của Thủ tướng Chính phủ; khoản 3, mục IV, Đề án Tổng thể bảo tồn, Phát triển làng nghề trên địa bàn thành phố giai đoạn 2025-2030, tầm nhìn 2025, được ban hành theo QĐ số 282/QĐ-UBND ngày 15/01/2025 của UBND thành phố Hà Nội; b) <i>Cơ sở thực tiễn:</i>

Stt	Tên chính sách	Nội dung, mức hỗ trợ	Căn cứ pháp lý đề xuất
		b) Nghệ nhân ưu tú: 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng)/người. c) Nghệ nhân Hà Nội: 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng)/người. <i>2.2. Hỗ trợ Nghệ nhân truyền dạy nghề và người tham gia thực hành, học nghề theo chương trình kế hoạch của cấp thẩm quyền tổ chức.</i> - Bồi dưỡng Nghệ Nhân nhân dân truyền dạy: 500.000 đồng (năm trăm nghìn đồng)/người/buổi. - Bồi dưỡng Nghệ nhân Ưu tú, Nghệ nhân Hà Nội truyền dạy: 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng)/người/buổi. Nước uống cho Nghệ nhân truyền dạy và người tham gia thực hành, học nghề 50.000 đồng (năm mươi nghìn đồng)/người/buổi.	Nghị định 43/2024/NĐ-CP ngày 19/12/2024 của chính phủ mới quy định Quy định chi tiết về xét tặng danh hiệu “”Nghệ nhân nhân dân, Nghệ nhân Ưu tú” nhưng chưa quy định mới đãi ngộ cho các nghệ nhân khi được nhà nước công nhận nghệ nhân nhân dân, nghệ nhân ưu tú và Nghệ nhân Hà Nội trong lĩnh vực thủ công mỹ nghệ, trong khi đó tại Phụ lục 2 Nghị quyết số 23/2022/NQ-HĐND ngày 08/12/2022, HĐND thành phố đã ban hành chế độ đãi ngộ đối với nghệ nhân lĩnh vực văn hóa phi vật thể. Nhằm Khuyến khích đối với các nghệ nhân Sở Nông nghiệp và Môi trường đề nghị HĐND Thành phố ban hành quy định chính sách đãi ngộ đối với nghệ nhân. 2. Cơ sở đề xuất mức hỗ trợ Mục III, Phụ lục 2, Nghị quyết số 23/2022/NQ-HĐND ngày 08/12/2022 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội: Lý do Qua đối chiếu cho thấy tiêu chuẩn để công nhận nghệ nhân lĩnh vực vật thể và phi vật thể đều có tính chất tương đồng, như đều có thời gian hoạt động liên tục hoặc cộng dồn từ 20 năm trở lên, trung thành với Tổ quốc; chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước; Có phẩm chất đạo đức tốt; gương mẫu trong cuộc sống; tâm huyết, tận tụy với nghề; mẫu mực trong thực hành, bảo vệ di sản văn hóa phi vật thể; được đồng nghiệp và Nhân dân ghi nhận, mến mộ.... Do vậy Sở Nông nghiệp và Môi trường đề nghị mức hooax trợ đối với Nghệ nhân lĩnh vực thủ công mỹ nghệ như Nghệ nhân lĩnh vực văn hóa (phi vật thể); bổ sung mức hỗ trợ nghệ nhân Hà Nội. Tăng mức nước uống cho Nghệ nhân truyền dạy và người tham gia thực hành, học nghề từ 20.000 lên 50.000 đồng (năm mươi nghìn đồng)/người/buổi theo quy định tại Nghị quyết số 05/2025/NQ-HĐND ngày 29/4/2025 của Hội đồng nhân dân Thành phố.
Điều 5	Chính sách hỗ trợ kết nối vùng nguyên liệu	Hỗ trợ 100% chi phí đi lại, phụ cấp lưu trú, tiền ăn, nghỉ tại nơi đến công tác cho các tổ chức, cá nhân tham gia đoàn công tác đi kết nối vùng nguyên liệu theo quy định tại Phụ lục 03 Nghị quyết số 09/2017/NQ-HĐND ngày 05/12/2017; Điều 1 Nghị quyết số	1. Cơ sở đề xuất nội dung: a) <i>Cơ sở pháp lý:</i> điểm g, khoản 2, Điều 32, Luật Thủ đô số 39/2024/QH15; mục 5, phần IV, Điều 1, Quyết định số 801/QĐ-TTg ngày 07/7/2022 của Thủ tướng Chính phủ; Tại khoản 3, mục IV, Đề án Tổng thể bảo tồn, Phát triển làng nghề trên địa bàn thành phố giai đoạn 2025-2030, tầm nhìn 2025, được ban hành theo QĐ số 282/QĐ-UBND ngày 15/01/2025 của UBND thành phố Hà Nội quy định “...Tổ chức các đoàn khảo sát, kết nối vùng nguyên liệu cho các làng nghề với các tỉnh, vùng trong và nước ngoài”

Stt	Tên chính sách	Nội dung, mức hỗ trợ	Căn cứ pháp lý đề xuất
		05/2025/NQ-HĐND ngày 29/4/2025 của Hội đồng nhân dân Thành phố.	<i>b) Cơ sở thực tiễn:</i> Hiện nay các làng nghề của Hà Nội chủ yếu đi nhập nguyên liệu từ các tỉnh thành phố trong nước và quốc tế, nhưng Thành phố chưa quy định nội dung hỗ trợ cho đoàn kết nối vùng nguyên liệu, do vậy để triển khai có hiệu quả Đề án Tổng thể phát triển Phát triển làng nghề giai đoạn 2025-2030, tầm nhìn 2050, ổn định nguồn nguyên liệu cho các làng nghề, Sở Nông nghiệp và Môi trường đề nghị UBND Thành phố tiếp trình HĐND Thành phố ban hành chính sách hỗ trợ nội dung này và đề nghị mức hỗ trợ cho các hội, hiệp hội làng nghề như mức hỗ trợ cho cán bộ công chức đi công tác. 2. Cơ sở đề xuất mức hỗ trợ: Trong những năm gần đây Thành phố giao Sở Nông nghiệp và Môi trường tổ chức các đoàn kết nối nguồn nguyên liệu cho các làng nghề trên địa bàn Thành phố, tuy nhiên các đối tượng như Hội, hiệp hội làng nghề, các HTX và Doanh nghiệp cơ sở ngành nghề nông thôn... (đơn vị đầu mối) phải tự bỏ mọi chi phí để tham gia đoàn công tác, gây khó khăn cho các làng nghề, các làng nghề rất mong muốn Thành phố có chính sách hỗ trợ để giúp các làng nghề Phát triển: Do vậy Sở Nông nghiệp và Môi trường đề nghị hỗ trợ chi phí đi lại, phụ cấp lưu trú, tiền ăn, nghỉ tại nơi đến cho các tổ chức, cá nhân tham gia đoàn công tác đi kết nối vùng nguyên liệu mức hỗ trợ như mức hỗ trợ cho cán bộ công chức đi công tác được quy định tại Phụ lục 03 Nghị quyết số 09/2017/NQ-HĐND ngày 05/12/2017; Điều 1, Nghị quyết số 05/2025/NQ-HĐND ngày 29/4/2025 của Hội đồng nhân dân. Mức hỗ trợ 100% vận dụng quy định tại khoản 3, phụ lục 6, Nghị quyết số 22/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của HĐND Thành phố quy định các nội dung và mức chi hỗ trợ từ ngân sách thành phố để thực hiện chương trình Xúc tiến thương mại, du lịch của Thành phố)
Điều 6	Chính sách hỗ trợ phát triển ngành nghề nông thôn	- Nội dung hỗ trợ: Mua máy móc, thiết bị, dây chuyền sản xuất mới. - Mức hỗ trợ 50% kinh phí nhưng không quá 500 triệu đồng/dự án.	1. Cơ sở đề xuất nội dung: Điểm g, khoản 2, Điều 32, Luật Thủ đô số 39/2024/QH15; mục 5, phần IV, Điều 12, Nghị định số 52/2018/NĐ-CP Chính phủ; Điều 12, Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 2/4/2018 của Chính phủ. Chỉ đề nghị hỗ trợ Máy móc, thiết bị dây chuyền sản xuất mới, bỏ nội dung hỗ trợ Nguyên liệu, Tại khoản 3, mục IV, Đề án Tổng thể bảo tồn, Phát triển làng nghề trên địa bàn thành phố

Stt	Tên chính sách	Nội dung, mức hỗ trợ	Căn cứ pháp lý đề xuất
			giai đoạn 2025-2030, tầm nhìn 2025, được ban hành theo QĐ số 282/QĐ-UBND ngày 15/01/2025 của UBND thành phố Hà Nội quy định. 2. Cơ sở đề xuất mức Hỗ trợ: Điều 12, Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 2/4/2018 của Chính phủ;
Điều 7	Hỗ trợ di dời cơ sở ngành nghề nông thôn trong làng nghề thuộc ngành, nghề không khuyến khích phát triển tại làng nghề ở nông thôn	a) Hỗ trợ chi phí tháo dỡ, vận chuyển máy móc, thiết bị, nhà xưởng nơi di dời đi: 50.000 đồng/m² nhà xưởng, tối đa 500 triệu đồng/cơ sở. b) Hỗ trợ theo quy định tại khoản 2 Điều 43 Luật Thủ đô: Các dự án đầu tư đáp ứng quy định tại khoản 1 Điều 43 Luật Thủ đô thì được hưởng các ưu đãi quy định tại khoản 2 Điều 43 Luật Thủ đô: Được miễn tiền thuê đất, thuê mặt nước 10 năm và giảm 50% tiền thuê đất, thuê mặt nước cho thời gian còn lại. Được áp dụng mức thuế suất 5% thuế thu nhập doanh nghiệp, trong đó, được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong thời gian 04 năm và giảm 50% số thuế thu nhập phải nộp trong 09 năm tiếp theo. Thời gian miễn thuế, giảm thuế đối với thu nhập của doanh nghiệp thực hiện dự án đầu tư mới quy định tại	1. Cơ sở đề xuất nội dung: a) <i>Cơ sở pháp lý:</i> điểm c, khoản 2, Điều 28, Luật Thủ đô số 39/2024/QH15; điểm c, mục 4, phần IV, Điều 1, Quyết định số 801/QĐ-TTg ngày 07/7/2022 của Thủ tướng Chính phủ; khoản 5, mục IV, Đề án Tổng thể bảo tồn, Phát triển làng nghề trên địa bàn thành phố giai đoạn 2025-2030, tầm nhìn 2025, được ban hành theo QĐ số 282/QĐ-UBND ngày 15/01/2025 của UBND thành phố Hà Nội; b) <i>Cơ sở thực tiễn:</i> Theo Quyết định 2546/QĐ-UBND ngày 24/8/2023 của UBND thành phố Hà Nội về Ban hành danh mục, lộ trình và kế hoạch xử lý ô nhiễm môi trường đối với các làng nghề trên địa bàn thành phố Hà Nội đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Quyết định số 310/QĐ-UBND ngày 16/01/2024 của UBND Thành phố về việc sửa đổi, bổ sung Quyết định số 2546/QĐ-UBND ngày 28/4/2023. Hiện nay Thành phố có 60 làng nghề ô nhiễm môi trường phải xử lý, lộ trình thực hiện đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030: 16 làng nghề ô nhiễm có dấu hiệu mai một phải xử lý ô nhiễm môi trường kết hợp khôi phục sản xuất, lộ trình thực hiện đến năm 2025: 16 làng nghề. 44 làng nghề chưa có dấu hiệu ô nhiễm, cần tiếp tục kiểm soát chất lượng môi trường; 40 làng nghề mai một cần rà soát, đề xuất đưa ra khỏi "Danh sách công nhận danh hiệu làng nghề, làng nghề truyền thống" của UBND Thành phố, lộ trình thực hiện đến hết năm 2023. Do đó, rất cần thiết phải xây dựng và ban hành chính hỗ trợ di dời các cơ sở ngành nghề nông thôn gây ô nhiễm môi trường, ô nhiễm môi trường nghiêm trọng theo đúng quy định tại Khoản 3, Điều 7, Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 12/4/2018. Tuy nhiên hiện nay Thành phố chưa quy định nội dung, mức hỗ trợ cho nội dung này, do vậy Sở Nông nghiệp và Môi trường đề nghị UBND Thành phố tiếp trình HĐND Thành phố ban hành Chính sách để hỗ trợ theo quy định tại Điểm c, khoản 2 Điều 28 Luật Thủ đô số 39/2024/QH15; đồng thời triển khai có hiệu quả Đề án Tổng thể phát triển Phát triển làng nghề giai đoạn 2025-2030, tầm nhìn 2050.

Stt	Tên chính sách	Nội dung, mức hỗ trợ	Căn cứ pháp lý đề xuất
		khoản này được tính từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế từ dự án đầu tư. c) Các cơ sở không đáp ứng quy định tại khoản khoản 1 Điều 43 Luật Thủ đô thì được hỗ trợ 50% tiền thuê đất tại nơi di dời đến trong thời gian 5 năm và 25% cho thời gian còn lại; d) Ngân sách Thành phố hỗ trợ 70% tiền lãi vay ngân hàng hoặc lãi vay từ Quỹ đầu tư phát triển Thành phố đối với toàn bộ giá trị hợp đồng vay được thực hiện trong thời gian vay vốn (tối đa không quá 10 năm) theo dự án đối với các cơ sở ngành nghề nông thôn phải di dời để xây dựng, lắp đặt nhà xưởng, máy móc tại nơi di dời đến, theo từng dự án của cơ sở ngành nghề nông thôn nằm trong danh sách hỗ trợ lãi suất đã được UBND Thành phố phê duyệt.	2. Cơ sở đề xuất mức hỗ trợ: Hiện nay trên địa bàn Thành phố chưa ban hành mức hỗ trợ nội dung này. Để có cơ sở trình Nghị quyết, Sở Nông nghiệp và Môi trường đã rà soát, trong quá trình rà soát Sở Nông nghiệp và Môi trường nhận thấy mức chi hỗ trợ tại Nghị quyết số 07/2022/NQ-HĐND ngày 07/7/2022 về ban hành quy định hỗ trợ về phát triển nông nghiệp, chương trình OCOP và ngành nghề nông thôn trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh là phù hợp với Hà Nội, bởi Bắc Ninh là một tỉnh giáp Hà Nội, cùng đồng bằng châu thổ sông Hồng, có điều kiện tự nhiên và khí hậu tương tự Hà Nội. Đồng thời qua khảo sát cho thấy theo đơn giá quy định của UBND Thành phố về quy định đơn giá xây dựng nhà xưởng, Sở Nông nghiệp & Môi trường khái toán chi phí một số nội dung chính về mức hỗ trợ chi phí tháo dỡ, bốc xếp, vận chuyển di dời, lắp đặt nhà xưởng sản xuất (<i>đối với nơi di dời đi</i>) về nhân công và máy móc, cụ thể: tháo dỡ mái bằng thủ công 7.245đ, tháo dỡ cửa bằng thủ công 9.660đ, phá dỡ nền gạch đất nung 15.460đ, vận chuyển bằng thủ công 10m khối điểm 20.540đ, tổng kinh phí: 52.905đ, làm tròn 50.000đ, như vậy mức đề nghị hỗ trợ di dời các cơ sở ngành nghề nông thôn ra khỏi khu dân cư bằng 50.000 đồng/ m² là phù hợp với thực tiễn. Hạn mức trần 500 triệu đồng/cơ sở để không chế ngân sách, tránh trường hợp cơ sở lớn quá được hưởng quá nhiều. - Hỗ trợ theo quy định tại khoản 2 Điều 43 Luật Thủ đô: Các dự án đầu tư đáp ứng quy định tại khoản 1 Điều 43 Luật Thủ đô thì được hưởng các ưu đãi quy định tại khoản 2 Điều 43 Luật Thủ đô: - Các cơ sở không đáp ứng quy định tại khoản khoản 1 Điều 43 Luật Thủ đô thì được hỗ trợ 50% tiền thuê đất tại nơi di dời đến trong thời gian 5 năm và 25% cho thời gian còn lại; - Hỗ trợ vay vốn ưu đãi để xây dựng, cải tạo, di dời cơ sở sản xuất gây ô nhiễm vào khu công nghiệp, cụm công nghiệp”. Mức hỗ trợ áp dụng khoản c Điều 1 Nghị quyết số 37/2025/NQ-HĐND ngày 29/9/2025 của HĐND Thành phố do vậy đưa nội dung “được vay vốn để xây dựng công trình, nhà xưởng” là có căn cứ rõ ràng.

PHỤ LỤC 2: DỰ KIẾN KINH PHÍ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT

(Kèm theo Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 2025 của UBND thành phố Hà Nội)

TT	Tên hạng mục	Đơn vị tính	Đơn giá (đồng)	Số lượng (đồng)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
1	Chính sách tập huấn nghiệp vụ quản lý, năng lực quản lý hợp đồng, quản lý chuỗi và phát triển thị trường	Lớp	70.000.000	50	3.500.000.000	Giai đoạn 2026-2030: tính 5 năm x 10 lớp/năm
2	Chính sách đãi ngộ đối với nghệ nhân				5.850.000.000	
2.1	<i>Hỗ trợ một lần đối với Nghệ nhân khi được cấp thẩm quyền phong tặng danh hiệu “Nghệ nhân nhân dân”, “Nghệ nhân Ưu tú”, “Nghệ nhân Hà Nội”.</i>				4.500.000.000	
-	Nghệ nhân Nhân dân	Nghệ nhân	40.000.000	50	2.000.000.000	Dự kiến bình quân mỗi năm phong tặng 10 nghệ nhân
-	Nghệ nhân Ưu tú	Nghệ nhân	30.000.000	50	1.500.000.000	Dự kiến bình quân mỗi năm phong tặng 10 nghệ nhân
-	Nghệ nhân Hà Nội	Nghệ nhân	20.000.000	50	1.000.000.000	Dự kiến bình quân mỗi năm phong tặng 10 nghệ nhân
2.2	<i>Hỗ trợ Nghệ nhân truyền dạy nghề và người tham gia thực hành, học nghề theo chương trình, kế hoạch của cấp thẩm quyền tổ chức.</i>	Lớp	18.000.000	75	1.350.000.000	Dự kiến mỗi năm mở 15 lớp truyền nghề x 5 năm; các nghệ nhân dự kiến truyền nghề 15 buổi/tháng x 3 tháng; đơn giá bình quân các nghệ (Nhân dân và ưu tú là 400/buổi)
3	Chính sách hỗ trợ kết nối vùng nguyên liệu	Đoàn	150.000.000	10	1.500.000.000	Dự kiến mỗi năm tổ chức 02 đoàn đi kết nối vùng nguyên liệu x 5 năm

TT	Tên hạng mục	Đơn vị tính	Đơn giá (đồng)	Số lượng (đồng)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
4	Chính sách hỗ trợ phát triển ngành nghề nông thôn	Dự án	500.000.000	75	37.500.000.000	Mỗi năm dự kiến 15 dự án x 5 năm
5	Chính sách hỗ trợ di dời các cơ sở sản xuất trong khu dân cư, cơ sở sản xuất thuộc ngành nghề không khuyến khích phát triển tại làng nghề ở nông thôn.				30.550.000.000	
-	Hỗ trợ chi phí tháo dỡ, vận chuyển, lắp đặt: 50.000 đồng/m ² nhà xưởng, tối đa 500 triệu đồng/cơ sở, dự kiến bình quân hỗ trợ/1 cơ sở 300.000.000.	Cơ sở	300.000.000	75	22.500.000.000	Mỗi năm dự kiến di dời 15 cơ sở x 5 năm
-	b) Hỗ trợ theo quy định tại khoản 2 Điều 43 Luật Thủ đô: Các dự án đầu tư đáp ứng quy định tại khoản 1 Điều 43 Luật Thủ đô thì được hưởng các ưu đãi quy định tại khoản 2 Điều 43 Luật Thủ đô: Được miễn tiền thuê đất, thuê mặt nước 10 năm và giảm 50% tiền thuê đất, thuê mặt nước cho thời gian còn lại. (Dự kiến tiền thuê đất trong khu công nghiệp trên địa bàn Thành phố khoảng 7 triệu đồng/m ² cho 30 năm, như vậy 01m ² /năm = 233.330 đồng. Dự kiến bình quân mỗi cơ sở thuê 3.00m ² /cơ sở	Cơ sở	70.000.000	25	1.750.000.000	Dự kiến mỗi năm hỗ trợ 5 cơ sở x 5 năm 25 cơ sở x 300 m ² /cơ sở x 5 năm
	Các cơ sở không đáp ứng quy định tại khoản 1 Điều 43 Luật Thủ đô thì được hỗ trợ 50% tiền thuê đất tại nơi di dời đến trong thời gian 5 năm và 25% cho	Cơ sở	35.000.000	50	1.750.000.000	Dự kiến mỗi năm hỗ trợ 10 cơ sở x 5 năm 50 cơ sở x 300 m ² /cơ sở x 5 năm

TT	Tên hạng mục	Đơn vị tính	Đơn giá (đồng)	Số lượng (đồng)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
	thời gian còn lại; (Dự kiến tiền thuê đất trong khu công nghiệp trên địa bàn Thành phố khoảng 7 triệu đồng/m ² cho 30 năm, như vậy 01m ² /năm = 233.330, hỗ trợ 50% tương ứng 116.667 đồng/m ² . Dự kiến bình quân mỗi cơ sở thuê 3.00m ² /cơ sở					
	Ngân sách thành phố Hỗ trợ 70% tiền vay ngân hàng hoặc vay từ quỹ đầu tư phát triển Thành phố đối với toàn bộ Hợp đồng vay được thực hiện trong thời gian vay vốn (tối đa không quá 10 năm) để xây dựng, lắp đặt nhà xưởng, máy móc tại nơi di dời đến.	Cơ sở	18.200.000	250	4.550.000.000	Lãi vay quy đầu tư là từ 2,6%/năm, hỗ trợ 70% tương ứng hỗ trợ 1,82 % lãi xuất; Mỗi cơ sở xây dựng 1.000 m ² nhà xưởng, dự kiến hết 1.800.000.000 đ, được vay 60%; bình quân 1 tỷ đồng x lãi xuất hỗ trợ 1,82% = 18.200.000 đồng/cơ sở/năm x5 năm.
	Tổng kinh phí dự kiến				78.950.000.000	

Bảng chữ: Bảy mươi tám tỷ, chín trăm, năm mươi triệu đồng:

Nguồn ngân sách nêu trên được dự kiến thực hiện của giai đoạn 2026-2030; mỗi năm tương ứng với **78.950.000.000** đồng.

Trong đó ngân sách cấp Thành phố thực hiện các chính sách từ Điều 3-Điều 6 là 48.350.000.000 đồng, tương ứng mỗi năm 9.670.000.000 đồng.

Ngân sách cấp xã thực thi chính sách quy định tại Điều 7 là: 30.550.000.000 đồng, tương ứng mỗi năm là 6.100.000.000 đồng.

Phụ lục 3. TIẾP THU, GIẢI TRÌNH Ý KIẾN GÓP Ý CỦA CÁC ĐỒNG CHÍ ỦY VIÊN ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VÀ BAN KINH TẾ HĐND THÀNH PHỐ

(Kèm theo Tờ trình số/TTr - UBND ngày...../... /2025 của UBND Thành phố)

TT	Ý kiến của các đồng chí Ủy viên UBND Thành phố	Ý kiến của Sở Nông nghiệp và Môi trường
----	--	---

TT	Ý kiến của các đồng chí Ủy viên UBND Thành phố	Ý kiến của Sở Nông nghiệp và Môi trường
1	Ý kiến của Ủy viên UBND Thành phố - Giám đốc Sở Tư pháp	
1.1	Điều 6	
-	Cơ quan soạn thảo vẫn nên đề tên là “hỗ trợ phát triển ngành nghề nông thôn”.	Sở Nông nghiệp và Môi trường tiếp thu ý kiến và đề tên chính sách như sau: Chính sách hỗ trợ phát triển ngành nghề nông thôn
-	Về đối tượng hỗ trợ quy định như hiện tại điều này là tương đối rộng, đề nghị cơ quan soạn thảo cân nhắc	Sở Nông nghiệp và môi trường tiếp thu đã đưa quy định vào Đối tượng, điều kiện để hạn chế các dự án, như sau: Doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ gia đình (sau đây gọi chung là cơ sở ngành nghề nông thôn) hoạt động theo quy định của pháp luật trên địa bàn Thành phố, có dự án sản xuất ngành nghề nông thôn hiệu quả, được UBND cấp xã đề xuất, theo tiêu chí do UBND Thành phố ban hành. Như vậy chỉ có dự án sản xuất có hiệu quả (có lãi), được UBND cấp xã đề xuất, theo tiêu chí do UBND Thành phố ban hành; mới được xem xét hỗ trợ. Bổ sung thêm nguyên tắc ưu tiên: Dự án chế biến nông, lâm, thủy sản gắn với công nghệ tiên tiến và thiết bị đồng bộ trong thu hoạch, bảo quản, chế biến và tiêu thụ nhằm nâng cao giá trị sản phẩm, đáp ứng nhu cầu thị trường; dự án thuộc chương trình bảo tồn và phát triển làng nghề; dự án phát triển hàng thủ công mỹ nghệ đáp ứng nhu cầu trong nước hoặc xuất khẩu; dự án sản xuất, cung cấp nguyên vật liệu phục vụ phát triển ngành nghề nông thôn; dự án sản xuất, chế tạo thiết bị, máy móc phục vụ sản xuất nông nghiệp, nông thôn; dự án phát triển sinh vật cảnh; dự án làng nghề gắn với phát triển du lịch sinh thái; dự án sản xuất các sản phẩm từ phế, phụ phẩm nông nghiệp.
-	Về nội dung hỗ trợ cơ quan soạn thảo giải trình thêm nội dung hỗ trợ và xin ý kiến thống nhất của Sở Tài chính	Sở Nông nghiệp và môi trường tiếp thu và giải trình như sau: “Chính sách hỗ trợ phát triển ngành nghề nông thôn” đã được Sở Nông nghiệp và PTNT (nay là Sở Nông nghiệp và Môi trường) xin ý kiến Sở Tài chính và các Sở ngành, đơn vị liên quan tại Văn bản số 616/SNN-CCPTNT ngày

TT	Ý kiến của các đồng chí Ủy viên UBND Thành phố	Ý kiến của Sở Nông nghiệp và Môi trường
		06/5/2024 V/v góp ý dự thảo Tờ trình, Quyết định quy định một số chính sách khuyến khích phát triển ngành nghề nông thôn và làng nghề thành phố Hà Nội, trong đó có “Chính sách hỗ trợ phát triển ngành nghề nông thôn” và được Sở Tài chính góp ý tại Văn bản số 1587/STC-TCHCSN ngày 29/3/2024, trên cơ sở đó Sở Nông và Môi trường đã có Văn bản số 1274/SNN-CCPTNT ngày 06/5/2024 và được Cục Kinh tế hợp tác góp ý tại Văn bản số 885/KTHT-NNNT ngày 17/5/2025.
-	Điều 8 Khoản 1: Đề nghị cơ quan soạn thảo cần rà soát lại và chia thành trường hợp nào dừng hỗ trợ, trường hợp nào dừng hỗ trợ kết hợp với thu hồi kinh phí. Ví dụ như việc chậm tiến độ thì chỉ cần dừng hỗ trợ, còn trường hợp lập không chứng từ, hóa đơn thì phải dừng hỗ trợ kết hợp với thu hồi kinh phí... Khoản 2: Đề nghị cơ quan soạn thảo bỏ khoản 2 vì các nội dung lặp lại. Khoản 3 cần phải sửa lại do dẫn chiếu đến khoản 2. Khoản 4: Đề nghị cơ quan soạn thảo bỏ vì không rõ tổ chức trung gian là đơn vị nào	Sở Nông nghiệp và Môi trường tiếp thu và đã chỉnh sửa
2	Ban Kinh tế ngân sách: Điều 5. Chính sách hỗ trợ kết nối vùng nguyên liệu: Đề nghị xem lại mức hỗ trợ 100%, nên để mức 50%.	Sở Nông nghiệp và Môi trường tiếp thu và đã chỉnh sửa trong Hồ sơ Nghị quyết